

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHONG ĐIỀN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/DS-ST

Ngày: 15-02-2024

V/v tranh chấp:

"Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Lo

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Ngô Lê Tuấn Kiệt

2/ Ông Võ Văn Tường

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Cum Anh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Tuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 159/2023/TLST-DS ngày 04 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2024/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Phan Thị Mỹ C, sinh năm 1973. Địa chỉ: Ấp T2, xã T3, huyện C, tỉnh Hậu Giang - Có mặt.

2/ Bị đơn: Ông Thái Văn T, sinh năm 1969. Địa chỉ: Ấp T4, xã T5, huyện P, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

3 Người làm chứng:

3.1/ Ông Võ Văn C1, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp T2, xã T3, huyện C, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt.

3.2/ Bà Huỳnh Hồng D, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp T2, xã T3, huyện C, tỉnh Hậu Giang – Vắng mặt.

3.3/ Ông Lê Thanh H, sinh năm 1962. Địa chỉ: B khu vực P2, phường T6, quận C2, thành phố Cần Thơ – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của bà Phan Thị Mỹ C ngày 03-10-2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Trước đây do chỗ quen biết nên bà có cho ông Thái Văn T vay số tiền 33.000.000 đồng vào ngày 02/10/2008 và 03 chỉ vàng 18K vào ngày 24/02/2011. Số tiền và vàng trên bà đưa đủ cho ông T và giữa các bên có làm biên nhận. Ông T có cam kết sau 10 ngày sẽ trả đủ số tiền và vàng đã vay cho bà. Tuy nhiên, đến nay ông T không thanh toán số tiền và vàng cho bà. Bà đã nhiều lần liên hệ yêu cầu ông T trả số tiền và vàng đã vay nhưng ông T cố tình trốn tránh, viện nhiều lý do để không trả tiền và vàng cho bà.

Vì vậy, bà khởi kiện đến Tòa án yêu cầu giải quyết như sau:

- Buộc ông Thái Văn T có trách nhiệm trả cho bà số tiền nợ là 33.000.000 đồng (Ba mươi ba triệu đồng) và 03 (ba) chỉ vàng 18K;
- Buộc ông T có trách nhiệm trả lãi cho bà trên số tiền nợ tính từ ngày 12/10/2008 đến ngày 12/9/2023, tạm tính là: 98.056.200 đồng;

Tổng số tiền tạm tính là: 131.056.200 đồng (Một trăm ba mươi một triệu không trăm năm mươi sáu ngàn hai trăm đồng) và 03 (ba) chỉ vàng 18K.

Đồng thời, buộc ông T tiếp tục trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán tính từ ngày 12/09/2023 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 0,83%/tháng.

Tại phiên tòa, bà yêu cầu ông T trả tiền vốn gốc là 33.000.000đ và tính lãi theo quy định pháp luật. Còn đối với phần 03 chỉ vàng 18K bà xin rút lại yêu cầu này.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp đúng quy định và đưa người tham gia tố tụng đầy đủ. Về kiểm sát tại phiên tòa thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký thực hiện đúng quy định pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Thái Văn T1 có nghĩa vụ trả cho bà Phan

Thị Mỹ C tổng số tiền 103.885.914 đ (trong đó: vốn gốc là 33.000.000đ và lãi là 70.885.914đ). Còn đối với 03 chỉ vàng 18K nguyên đơn xin rút lại nên đình chỉ xét xử yêu cầu này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Vào ngày 03-10-2023, bà Phan Thị Mỹ C khởi kiện ông Thái Văn T yêu cầu trả số tiền vốn và lãi là 131.056.200đ và 03 chỉ vàng 18K nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” và bị đơn có nơi cư trú tại ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ theo quy định khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn nhưng bị đơn luôn vắng mặt không có lý do. Sau khi Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục cần thiết nên mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét nguyên đơn là bà Phan Thị Mỹ C yêu cầu bị đơn là ông Thái Văn T trả số tiền vay 33.000.000đ và có cung cấp chứng cứ là biên nhận vay tiền ngày 02-10-2008 (bút lục 26); xét thấy, trong biên nhận có người làm chứng là ông Võ Văn C1 và bà Huỳnh Hồng D. Ông C1 và bà D đều khai xác định có chứng kiến việc ông T vay tiền của bà C (bút lục 31 và 34). Hơn nữa, người làm chứng là ông Lê Thanh H khai xác định có chứng kiến việc ông T vay tiền của bà C. Mặt khác, từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến ngày xét xử đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T nhưng ông T không có cung cấp cho Tòa án văn bản ý kiến phản bác nào về yêu cầu của nguyên đơn nên xác định ông T có vay tiền của bà C theo giấy vay tiền ngày 02/10/2008 là sự kiện có thật. Còn đối với 03 chỉ vàng 18K, tại phiên tòa bà C xin rút lại nên cần đình chỉ xét xử về phần yêu cầu này.

[4] *Về lãi suất:* Trong biên nhận có ghi nhận sự thỏa thuận về thời hạn trả là đến ngày 12/10/2008 và không có thỏa thuận lãi suất nên đây là hợp đồng vay có thời hạn và không có lãi. Khi hết thời hạn vay mà bị đơn không trả nợ nên bị đơn phải chịu lãi theo quy định pháp luật. Do đó, áp dụng khoản 1 Điều 4 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, tính lãi cụ thể như sau: Ngày bị đơn có nghĩa vụ trả nợ là ngày 13/10/2008, lãi suất tại thời điểm này là 14%/ năm theo Quyết định số 2131/QĐ-NHNN ngày 25/9/2008 của Thống đốc Ngân hàng N và thời gian

chậm trả tính kể từ ngày 13/10/2008 đến ngày 15/02/2024. Tiền vốn gốc là 33.000.000 đồng x 14%/ năm x 15 năm, 04 tháng, 02 ngày, thành tiền lãi là 70.885.914 đồng.

[5] Từ những phân tích trên, xét thấy Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông **T** trả cho bà **C** số tiền vốn gốc là 33.000.000 đ và tính tiền lãi theo quy định pháp luật là có căn cứ.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147, Điều 150 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Cụ thể: (103.885.914đ x 5%) là 5.194.000đ.

[7] Về quyền kháng cáo của các đương sự được thực hiện theo quy định tại 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 227, Điều 228, Điều 244 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 357 và Điều 688 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 471, Điều 476 và Điều 478 Bộ luật Dân sự 2005; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Quyết định số 2131/QĐ-NHNN ngày 25/9/2008 của Thống đốc **Ngân hàng N** và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc ông **Thái Văn T** có trách nhiệm trả cho bà **Phan Thị Mỹ C** tổng số tiền **103.885.914 đ** (Một trăm lẻ ba triệu tám trăm tám mươi lăm ngàn chín trăm mười bốn đồng). Trong đó: vốn gốc là 33.000.000đ và lãi là 70.885.914đ.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn là ông **Thái Văn T** trả 03 (ba) chỉ vàng 18K.

2/ Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc ông **Thái Văn T** phải chịu 5.194.000 đồng (Năm triệu một trăm chín mươi bốn ngàn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Bà **Phan Thị Mỹ C** được nhận lại tiền tạm ứng án phí 3.276.000đ (Ba triệu hai trăm bảy mươi sáu ngàn đồng) theo biên lai số 0001627 ngày 04-10-2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

3/ Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án đối với nguyên đơn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, các đương sự được quyền kháng cáo.

4/ Trường hợp, Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án. Quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND. TP/ Cần Thơ;
- VKSND.H/ Phong Điền;
- Chi CTHADS H/ Phong Điền;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Lo